

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 28/2024/DS-ST

Ngày: 31/5/2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hoàng Vũ.

2. Bà Lý Diệu Hiền.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Út Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng tham gia phiên tòa:
Ông Cao Thế Lĩnh – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 05 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2023/TLST-DS, ngày 06 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 10 tháng 05 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1967; Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện U, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

Bị đơn: Bà Lê Thị Phương D, năm 1991 (tên gọi khác Lê Thúy Kiều) và ông Mạch Văn S, sinh năm 1984 (chồng bà D).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang (bà D, ông S vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/10/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q trình bày:

Ngày 02/3/2023 bà Nguyễn Thị Q có cho vợ chồng bà Lê Thị Phương D (tên gọi khác Lê Thúy Kiều) và ông Mạch Văn S vay số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng, hai bên thỏa thuận 10 ngày đóng lãi một lần với số tiền là 1.500.000 đồng.

Tuy nhiên, từ khi vay đến nay vợ chồng bà D, ông S không thực hiện đúng theo thỏa thuận, không có trả tiền vay gốc và đóng lãi cho bà Q.

Nay bà Q yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà D, ông S trả số tiền vay gốc 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày vay đến Tòa án giải quyết xong vụ án.

Bị đơn Bà Lê Thị Phương D, ông Mạch Văn S được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật (thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia xét xử) nhưng đều vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: Đơn khởi kiện; Biên nhận vay ngày 02/3/2023.

Bị đơn cung cấp: Không có.

Tài liệu do Tòa án thu thập: Biên bản xác minh ngày 23/4/2024 đối với bà Trần Thị Thu Sương (mẹ chồng bà D).

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phía bị đơn vắng mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Lê Thị Phương D, ông Mạch Văn S được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà D, ông S cũng không có yêu cầu phản tố. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa nguyên bà Nguyễn Thị Q với bị đơn bà Lê Thị Phương D (Lê Thúy Kiều), ông Mạch Văn S là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Cụ thể bà Q yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà D (Kiều), ông S trả số tiền vay 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 02/3/2023 đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy: Theo biên nhận ngày 02/3/2023 do bà Q cung cấp có nội dung: Ngày 02/3/2023 bà Q có cho bà Lê Thúy

Kiều là nhân viên Bưu điện xã Vĩnh Hòa (huyện U Minh Thượng) hỏi vay số tiền 30.000.000 đồng, 10 ngày đóng lãi 01 lần là 1.500.000 đồng, thời gian đóng lãi từ ngày 02/3/2023.

Theo đơn xin xác nhận ngày 31/10/2023 của bà Nguyễn Thị Q gửi Ban lãnh đạo ấp Minh Tân và Công an xã Minh Thuận thì bà Lê Thị Phương D còn có tên gọi khác là Lê Thúy Kiều (tên Dung và Kiều là cùng 01 người). Theo bà Q trình bày thì do bà D (Kiều) làm ở Bưu Điện Vĩnh Hòa nên có quen biết với bà Q vì vậy bà Q mới cho bà D vay tiền. Khi làm biên nhận vay thì bà D ký tên là Lê Thúy Kiều.

Trong quá trình giải quyết vụ án, do bà D (Kiều) và ông S vắng mặt nên không có ý kiến trình bày về việc vay tiền. Tuy nhiên, tại biên bản xác minh ngày 23/4/2024 của Tòa án, bà Trần Thị Thu Sương là mẹ chồng của bà D (Kiều) trình bày: *“Bà Trần Thị Thu Sương là mẹ chồng của bà Lê Thị Phương D (tên gọi khác là Kiều). Bà Sương có biết việc vợ chồng bà D, ông S vay tiền của bà Q là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu) nhưng vay để làm gì thì bà Sương không rõ. Hiện tại vợ chồng bà D, ông S đi làm ăn xa không có ở nhà. Trước đây bà Q có đến nhà bà Sương để đòi nợ nhiều lần nhưng không có bà D ở nhà nên bà Sương có nói với bà Q thông cảm để từ từ bà Sương tìm cách trả nợ thay cho vợ chồng bà D. Nhưng hiện nay bà Sương đã lớn tuổi không làm gì ra tiền để trả nợ cho bà Q. Bà Sương cũng thường gọi điện cho bà D để động viên bà D và ông S tìm cách trả nợ cho bà Q lần lần cho dứt nợ. Bà D có nói là để cố gắng làm kiếm tiền trả nợ cho bà Q, còn giờ công việc chưa ổn định nên chưa có khả năng trả nợ”*.

Như vậy, việc bà D (Kiều) vay tiền của bà Q thì mẹ chồng của bà D là bà Trần Thị Thu Sương cũng biết và có động viên vợ chồng bà D, ông S tìm cách trả nợ cho bà Q. Từ đó, có cơ sở xác định việc bà Q cho bà D (Kiều) vay tiền là có thật.

Xét việc bà D (Kiều) vay tiền của bà Q, từ khi vay (ngày 02/3/2023) đến nay đã hơn một năm nhưng lại không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho bà Q là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định của pháp luật. Do đó, việc bà Q khởi kiện yêu cầu bà D (Kiều) trả nợ là có căn cứ.

Về lãi suất: Bà Q trình bày, khi vay số tiền 30.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 10 ngày đóng lãi 1 lần với số tiền là 1.500.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà Q yêu cầu vợ chồng bà D, ông S trả lãi theo mức lãi suất quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo biên nhận vay tiền cũng như lời trình bày của bà Q tại phiên tòa, thì khi vay hai bên có thỏa thuận việc trả lãi là 10 ngày đóng lãi 1 lần, với số tiền là 1.500.000 đồng. Việc hai bên thỏa thuận mức lãi suất như trên là trái quy định pháp luật, vì cao hơn gấp nhiều lần so với mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, cụ thể: *“Trường hợp các bên có thỏa*

thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay...Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực”.

Do đó, mức lãi suất phải được điều chỉnh lại theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 (không quá 20%/năm, tức là không vượt quá 1,66%/tháng). Tiền lãi từ ngày 02/3/2023 đến ngày xét xử (31/5/2024) cụ thể là: $30.000.000đ \times 1,66\% \times 14 \text{ tháng} \times 29 \text{ ngày} = 7.453.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng gốc và lãi là 37.453.000 đồng

Về trách nhiệm liên đới trả nợ:

Theo biên nhận vay thì chỉ có bà Lê Thúy Kiều (hoặc bà D) ký tên là người vay, theo đơn khởi kiện bà Q yêu cầu cả bà D và ông S phải chịu trách nhiệm liên đới trả nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho vợ chồng bà D, ông S về việc nguyên đơn khởi kiện nhưng bị đơn không có ý kiến về việc nợ chung hay nợ riêng. Theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 quy định: “*Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30...và Điều 37 của Luật này*”. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất buộc bà D (Kiều) và ông S phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Q số vay gốc và lãi tổng cộng là 37.453.000 đồng.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Phương D (Lê Thúy Kiều), ông Mạch Văn S phải chịu tiền án phí là 37.453.000 đồng x 5% = 1.872.000 đồng (một triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị Q được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003028 ngày 04/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27, Điều 30 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Điều 91, Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q đối với bị đơn bà Lê Thị Phương D (Lê Thúy Kiều), ông Mạch Văn S về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc bà Lê Thị Phương D (Lê Thúy Kiều) và ông Mạch Văn S chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Q số tiền vay gốc và lãi là 37.453.000 đồng (ba mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn đồng).

3. Khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong số tiền phải thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Phương D (Lê Thúy Kiều) và ông Mạch Văn S phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 1.872.000 đồng (một triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị Q được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003028 ngày 04/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện U Minh Thượng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Khanh